Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 163

GIỚI VỰC

163

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP 3

1 3 giới - liệt giới, trung giới, thượng giới - Kinh Căn Nhà Bằng Gạch – Tương II, 267................9

2 4 đại giới - Địa, thủy, hỏa, phong - Kinh Bốn – Tương II, 295 40

3 7 giới - Quang giới, Tịnh giới... Diệt thọ tưởng giới - Kinh Bảy Pháp Này – Tương II, 261....55

4 Do giới sai biệt nên Tưởng, Tư, Dục, Nhiệt tình, Tầm cầu sai biệt sanh khởi - Kinh Có Nhân – Tương II, 263 58

5 Do ngoại giới sai biệt nên Tưởng, Tư, Xúc, Thọ sai biệt sanh khởi - Kinh Giới – Tương II, 251 63

6 Do nội giới sai biệt nên Xúc, Thọ sai biệt sanh khởi - Kinh Giới – Tương II, 245....................76

7 Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567 82

8 Thiện xảo về giới - Kinh ĐA GIỚI – 115 Trung III, 217 83

9 Tùy thuộc theo giới mà các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi chung với nhau - Kinh Liệt Ý Chí – Tương II, 268 99

10 Tương Ưng Giới – Tương II, 245..................130

11 giới tánh của Lý Duyên khởi - Kinh Duyên – Tương II, 51 200

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*
- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*
- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

***dấu, tô màu** những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. ***Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?***

– *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*

– *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*

– *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

- *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

- *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 3 giới - liệt giới, trung giới, thượng giới - Kinh Căn Nhà Bằng Gạch – Tương II, 267

Căn Nhà Bằng Gạch – *Tương* II, 267

1) Một thời Thế Tôn trú ở Natika, tại căn nhà bằng gạch.

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo "

- " Thưa vâng bạch Thế Tôn ". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **do duyên giới**, **tưởng** sanh khởi, **kiến** sanh khởi, **tầm** sanh khởi.

4) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saddha Kaccàyana bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, kiến này giữa những vị ***không*** *Chánh Đẳng Chánh Giác,* ***có*** *vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thế Tôn, kiến này do duyên gì được hiển lộ?*

5) - Lớn thay, này Kaccàyana, là giới này, tức là ***vô minh giới***.

6) Này Kaccàyana, do duyên **liệt** (hìna) **giới**, liệt tưởng, liệt kiến, liệt tầm, liệt tư (cetanà), liệt hy vọng (patthanà), liệt ước nguyện, liệt nhân, (puggalà), liệt ngữ sanh khởi. **Liệt là điều vị ấy nói**, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **liệt** là sự thọ sanh (uppatti) của vị ấy.

7) Này Kaccàyana, do duyên **trung giới**, trung tưởng, trung kiến, trung tầm, trung tư, trung hy vọng, trung ước nguyện, trung nhân, trung ngữ sanh khởi. **Trung là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết**, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **trung** là sự thọ sanh của vị ấy.

8) Này Kaccàyana, do duyên **thắng giới**, thắng tưởng, thắng kiến, thắng tầm, thắng tư, thắng hy vọng, thắng ước nguyện, thắng nhân, thắng ngữ sanh khởi. **Thắng là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết,** vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **thắng** là sự thọ sanh của vị ấy.

Liệt Ý Chí – *Tương* II, 268

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Nghiệp – *Tương* II, 269

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjakùta (Linh Thứu).

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Tôn giả Mahàmoggallàna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

4) Tôn giả Mahà Kassapa cùng với... không xa Thế Tôn bao nhiêu.

5) Tôn giả Anuruddha cùng với... không xa Thế Tôn bao nhiêu.

6) Tôn giả Punna Mantàniputta cùng với... bao nhiêu.

7) Tôn giả Upàli cùng với... bao nhiêu.

8) Tôn giả Ananda cùng với... bao nhiêu.

9) Tôn giả Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

10) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Sàriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại trí tuệ.

11) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Moggallàna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại thần thông.

12) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Kassapa cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy chủ trương hạnh đầu đà.

13) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc có thiên nhãn.

14) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Punna Mantàniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc thuyết pháp.

15) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Upàli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc trì luật.

16) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ananda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đa văn.

17) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là ác dục.

18) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

19) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

20) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

21) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Kinh Với Các Bài Kệ – *Tương* II, 273

1) Trú ở Sàvatthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. **Chúng sanh liệt ý chí** cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

6) *Ví như, này các Tỷ-kheo, **phẩn** cùng hòa hợp, cùng đi với phẩn; **nước tiểu** cùng hòa hợp, cùng đi với nước tiểu; nước miếng cùng hòa hợp, cùng đi với nước miếng; mủ cùng hòa hợp, cùng đi với mủ; máu cùng hòa hợp, cùng đi với máu.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp với nhau, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

7) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

8) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

9) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp với nhau, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

II

10) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. **Chúng sanh thiện ý chí** cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

11) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

12) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

13) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

14) *Ví như, này các Tỷ-kheo, sữa cùng hòa hợp, cùng đi với sữa; dầu cùng hòa hợp, cùng đi với dầu; thục tô cùng hòa hợp, cùng đi với thục tô; mật ong cùng hòa hợp, cùng đi với mật ong; mật mía cùng hòa hợp, cùng đi với mật mía.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

15) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

16) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

17) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

18) Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Liên lạc, dục tình sanh,
Liên lạc, không được đoạn,
Như leo tấm ván nhỏ,
Bị chìm giữa sóng lớn.
Cũng vậy, đến kẻ nhác,
Kẻ sống thiện cũng chìm.
Do vậy, hãy tránh xa
Kẻ nhác, không tinh tấn,
Hãy cọng trú bậc Hiền,
Bậc Thánh sống viễn ly,
Thường siêng năng tinh tấn,
Tinh cần tu Thiền tịnh.

Bất Tín – *Tương* II, 277

1) Trú ở Sàvatthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3)

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn.
- Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ.
- Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe.
- Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác.
- Kẻ thất niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ thất niệm.
- Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4)

- Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín.
- Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn.

- Kẻ biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ.
- Kẻ nghe nhiều cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ tinh cần cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần.
- Kẻ trì niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niệm.
- Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trí tuệ.

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau.

6) Kẻ bất tín đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Kẻ bất tín sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất

niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với kẻ ác tuệ.

7) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

II

8) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ **tín** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín.
- Kẻ **biết thẹn** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn.
- Kẻ **biết sợ** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ.
- Kẻ **nghe nhiều** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ **tinh cần** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần.

- Kẻ **trì niệm** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niệm.
- Kẻ có **trí tuệ**, cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

9) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

10) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

11) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín... Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Năm Kinh Về Căn Bản Bất Tín – *Tương* II, 280

1) Sàvatthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn.

- Kẻ ác tuệ.. với kẻ ác tuệ.
- Kẻ **tín** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín.
- Kẻ **biết thẹn**... với kẻ biết thẹn.
- Kẻ **có trí tuệ** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

Kẻ bất tín... với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ ác tuệ.. với kẻ ác tuệ...Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

II

6) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Như vậy, cần phải hiểu rộng.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

7)... thời quá khứ...

8)... thời vị lai...

9)... thời hiện tại...

III

10) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

11)... thời quá khứ...

12)... thời vị lai...

13)... thời hiện tại...

IV

14) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ tinh cần. .. với kẻ tinh cần.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

15)... thời quá khứ...

16)... thời vị lai...

17)... thời hiện tại...

V

18) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.

- Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

19)... thời quá khứ...

20)... thời vị lai...

21)... thời hiện tại...

Bốn Kinh Về Căn Bản Không Biết Thẹn – *Tương* II, 283

1) Ở Sàtthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn,
- Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ.

- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

II

3) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

III

4) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

IV

5) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

6-8)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

Ba Kinh Về Căn Bản Không Biết Sợ - *Tương* II, 284

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ.
- Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

6) Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

7-9)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

10) Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

11-13)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

Hai Kinh Về Ít Nghe – *Tương* II, 286

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe.
- Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

6) Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ nghe nhiều. .. với kẻ nghe nhiều. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.... Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

7-9)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

Biếng Nhác – *Tương* II, 286

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác.
- Kẻ thất niệm. .. với kẻ thất niệm.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần.

- Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

I. Phẩm Nghiệp ĐạoThứ Ba

Không Tịch Tịnh – *Tương* II, 289

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3)

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.

- Kẻ không biết thẹn. .. với kẻ không biết thẹn.
- Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ.
- Kẻ không tịch tịnh... với kẻ không tịch tịnh.
- Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4)

- Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín.
- Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ tịch tịnh. .. với kẻ tịch tịnh.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Ác Giới – *Tương* II, 290

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn. .. với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ác giới... với kẻ ác giới. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4) Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ trì giới... với kẻ trì giới. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Năm Học Pháp – *Tương* II, 290

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho. .. với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục.. . với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ đắm say rượu men, rượu nấu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ đắm say rượu men, rượu nấu.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho... với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ không tà hạnh trong các dục... với kẻ không tà hạnh trong các dục. Kẻ không nói láo... với kẻ không nói láo. Kẻ không đắm say rượu men, rượu nấu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không đắm say rượu men, rượu nấu.

Bảy Nghiệp Đạo – *Tương* II, 291

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho... với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi...với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ... với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho. .. với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục... với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo... với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi... với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ... với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm.

Mười Nghiệp Đạo – *Tương* II, 292

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho. .. với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi... với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ... với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm... cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm. Kẻ có tham tâm... với kẻ có tham tâm. Kẻ có sân tâm... với kẻ có sân tâm. Kẻ có tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tà kiến.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho. .. với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục... với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo... với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi... với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ... với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm... với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. Kẻ từ bỏ tham tâm... với kẻ từ bỏ tham tâm. Kẻ từ bỏ sân tâm... với kẻ từ bỏ sân tâm. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến.

Tám Chi – *Tương* II, 293

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà định.

4) Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh định.

Mười Chi – *Tương* II, 293

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà

mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định... Kẻ tà trí... Kẻ tà giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà giải thoát.

4) Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định... Kẻ chánh trí... Kẻ chánh giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có chánh giải thoát.

2 4 đại giới - Địa, thủy, hỏa, phong - Kinh Bốn – Tương II, 295

Bốn – *Tương* II, 295

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này.

Thế nào là bốn? **Địa** giới, **thủy** giới, **hỏa** giới, **phong** giới.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn giới này.

Trước – *Tương* II, 295

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh Đẳng Giác, khi Ta còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:

3) "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của **địa giới**? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thủy giới? Cái gì là vị

ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của hỏa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của phong giới?"

4) Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

5) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên địa giới, đó là vị ngọt của địa giới. Cái gì vô thường, khổ, biến hoại của địa giới, đó là nguy hiểm của địa giới. Sự nhiếp phục dục và tham (chandaràga), sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của địa giới".

6) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên thủy giới..".

7) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên hỏa giới..".

8) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên phong giới, đó là vị ngọt của phong giới. Cái gì vô thường, khổ, biến hoại của phong giới, đó là nguy hiểm của phong giới. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của phong giới ".

9) Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào **đối với bốn giới** này Ta chưa như thực thắng tri (abbhannàsim) như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta chưa được chứng ngộ, chưa chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác, đối với

Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

10) Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào **đối với bốn giới** này, Ta như thật thắng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

11) Tri và kiến đã khởi lên ở nơi Ta: " Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay không còn tái sanh nữa ".

Ta Đã Đi – *Tương* II, 297

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của địa giới. Ta đã tìm được vị ngọt của địa giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

3) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của địa giới. Ta đã tìm được nguy hiểm của địa giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

4) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của địa giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của địa giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

5-7) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của thủy giới...

8-10) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của hỏa giới...

11) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của phong giới. Ta đã tìm được vị ngọt của phong giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

12) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của phong giới. Ta đã tìm sự được nguy hiểm của phong giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

13) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của phong giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của phong giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

14) Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với **bốn giới** này, Ta chưa như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy

xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta chưa được chứng ngộ, chưa được chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người.

15) Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với **bốn giới** này, Ta đã như thật thắng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và đối với chúng Sa-môn, Bà-la- môn với chư Thiên và loài Người.

16) Tri và kiến đã khởi lên nơi Ta: " Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay không còn tái sanh nữa".

Nếu Không Có Cái Này – *Tương* II, 299

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, **nếu không có vị ngọt** của địa giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm địa

giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của địa giới, do vậy chúng sanh tham đắm địa giới.

3) Này các Tỷ-kheo, **nếu không có nguy hiểm** của địa giới, thời chúng sanh có thể không nhàm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy hiểm của địa giới, do vậy chúng sanh nhàm chán địa giới.

4) Này các Tỷ-kheo, **nếu không có sự xuất ly** địa giới thời, chúng sanh có thể không xuất ly địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của địa giới, do vậy chúng sanh xuất ly địa giới.

5-7) Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thủy giới...

8-10) Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của hỏa giới...

11) Này các Tỷ-kheo, **nếu không có vị ngọt** của phong giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của phong giới, do vậy chúng sanh tham đắm phong giới.

12) Này các Tỷ-kheo, **nếu không có nguy hiểm** của phong giới, thời chúng sanh có thể không nhàm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy

hiểm của phong giới, do vậy chúng sanh nhàm chán phong giới.

13) Và này các Tỷ-kheo, **nếu không có sự xuất ly** của phong giới, thời chúng sanh có thể không xuất ly phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly phong giới, do vậy chúng sanh xuất ly phong giới.

14) Này các Tỷ-kheo, **cho đến khi nào các chúng sanh** đối với **bốn giới** này chưa như thật thắng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, các chúng sanh này không sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ, với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

15) Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào **các chúng sanh** đối với bốn giới này đã như thật thắng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, các chúng sanh này sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

Khổ – *Tương* II, 301

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham đắm địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ, do vậy chúng sanh tham đắm địa giới.

3) Này các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

4) Này các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

5) Này các Tỷ-kheo, nếu phong giới thuần khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc, thời chúng sanh có thể không có tham đắm phong giới. **Và vì rằng**, này các Tỷ-kheo, phong giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; do vậy các chúng sanh tham đắm phong giới.

6) Này các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm

chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; do vậy các chúng sanh nhàm chán địa giới.

7) Này các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

8) Này các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

9) Này các Tỷ- kheo, nếu phong giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, phong giới là khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; do vậy các chúng sanh nhàm chán phong giới.

Hoan Hỷ – *Tương* II, 303

I

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ địa giới, người ấy hoan hỷ **khổ**. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ.

3) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thủy giới...

4) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ hỏa giới...

5) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ phong giới, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ.

II

6) Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ địa giới, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khỏi khổ.

7) Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thủy giới...

8) Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ hỏa giới...

9) Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ phong giới, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khổ.

Sanh Khởi – *Tương* II, 304

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, **sự sanh khởi**, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của địa giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.

3) Này các Tỷ-kheo... của thủy giới...

4) Này các Tỷ-kheo... của hỏa giới...

5) Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của phong giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.

6) Này các Tỷ-kheo, **sự đoạn diệt**, tịnh chỉ, tiêu diệt của địa giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.

7) Này các Tỷ-kheo... của thủy giới...

8) Này các Tỷ-kheo. .. của hỏa giới...

9) Này các Tỷ-kheo, sự đoạn diệt, tịnh chỉ, tiêu diệt của phong giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.

SaMôn BàLaMôn – *Tương* II, 305

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

3) Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này **không** như thật quán tri (pajànati) vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

4) Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này **như** thật quán tri vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

SaMôn BàLaMôn – *Tương* II, 306

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

3) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, **không** như thật quán tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

4) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, **như thật quán tri** sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

SaMôn BàLaMôn – *Tương* II, 307

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào **không** quán tri **địa** giới, không quán tri địa giới tập khởi, không quán tri địa giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt...

3) Này các Tỷ-kheo. .. không quán tri **thủy** giới...

4) Này các Tỷ-kheo... không quán tri **hỏa** giới...

5) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri **phong** giới, không quán tri phong giới tập khởi, không quán tri phong giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những vị Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, giữa những vị Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại không thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

6) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào **quán** tri **địa** giới, quán tri địa giới tập khởi, quán tri địa giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt...

7). .. quán tri **thủy** giới...

8). .. quán tri **hỏa** giới...

9) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri **phong** giới, quán tri phong giới tập khởi, quán tri phong giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa các vị Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn, giữa các vị Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

3 7 giới - Quang giới, Tịnh giới... Diệt thọ tưởng giới - Kinh Bảy Pháp Này – Tương II, 261

Bảy Pháp Này – *Tương* II, 261

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

Thế nào là bảy?

- Quang giới,
- Tịnh giới,
- Không vô biên xứ giới,
- Thức vô biên xứ giới,
- Vô sở hữu xứ giới,
- Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới,
- Diệt thọ tưởng giới.

Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

3) Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, và Diệt*

thọ tưởng giới. Bạch Thế Tôn, ***những giới này do duyên cái gì được hiển lộ****?*

4) Này các Tỷ-kheo, Quang giới này do duyên u ám, giới này được hiển lộ.

5) Này các Tỷ-kheo, Tịnh giới này do duyên bất định, giới này được hiển lộ.

6) Này các Tỷ-kheo, Không vô biên xứ giới này, do duyên sắc, giới này được hiển lộ.

7) Này các Tỷ-kheo, Thức vô biên xứ giới này do duyên Không vô biên xứ giới này được hiển lộ.

8) Này các Tỷ-kheo, Vô sở hữu xứ giới này do duyên Thức vô biên xứ giới này được hiển lộ.

9) Này các Tỷ-kheo, Phi tưởng phi phi tưởng xứ này do duyên Vô sở hữu xứ giới này được hiển lộ.

10) Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này do duyên diệt này được hiển lộ.

11) - *Bạch Thế Tôn, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, với Diệt thọ tưởng giới; bạch Thế Tôn,* ***bảy giới này Thiền chứng (Samàpatti) như thế nào?***

12) -Này các Tỷ-kheo, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, những giới này lấy tưởng Thiền chứng (Sannàsamàpatti) được chứng đắc.

13) -Này các Tỷ-kheo, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới này lấy hành hữu dư Thiền chứng được chứng đắc.

14) -Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này lấy diệt đẳng nhập được chứng đắc (?).

4 Do giới sai biệt nên Tưởng, Tư, Dục, Nhiệt tình, Tầm cầu sai biệt sanh khởi - Kinh Có Nhân – Tương II, 263

Có Nhân – *Tương* II, 263

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, **có** nhân, dục tầm sanh khởi, **không** phải không nhân. **Có** nhân, sân tầm sanh khởi, không phải không nhân. **Có** nhân, hại tầm sanh khởi, không phải không nhân.

3) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, có nhân,* ***dục*** *tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân,* ***sân*** *tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân,* ***hại*** *tầm sanh khởi, không phải không nhân?*

4) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **dục giới**, dục tưởng sanh khởi.
- Do duyên dục tưởng, dục tư duy sanh khởi.
- Do duyên dục tư duy, dục dục sanh khởi.
- Do duyên dục dục, dục nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên dục nhiệt tình, dục tầm cầu sanh khởi.

- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu dục tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **sân giới**, sân tưởng sanh khởi.
- Do duyên sân tưởng, sân tư duy sanh khởi.
- Do duyên sân tư duy, sân dục sanh khởi.
- Do duyên sân dục, sân nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên sân nhiệt tình, sân tầm cầu sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu sân tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

6) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **hại giới**, hại tưởng sanh khởi
- Do duyên hại tưởng, hại tư duy sanh khởi.
- Do duyên hại tư duy, hại dục sanh khởi.
- Do duyên hại dục, hại nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên hại nhiệt tình, hại tầm cầu sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu hại tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

7) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Nếu người ấy không dập tắt gấp với tay và chân; như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ gặp bất hạnh và tai họa.*

8) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với **tưởng bất chánh** khởi lên, không gấp từ bỏ, nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong đau khổ, với phiền lao, với sầu não, với nhiệt não; và sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ác thú.*

9) Này các Tỷ-kheo, **có** nhân, xuất ly tầm sanh khởi, không phải không nhân. **Có** nhân, vô sân tầm sanh khởi, không phải không nhân. **Có** nhân, bất hại tầm sanh khởi, không phải không nhân.

10) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào có nhân, **xuất ly** tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, **vô sân** tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, **bất hại tầm** sanh khởi, không phải không nhân?*

11) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **xuất ly giới**, xuất ly tưởng sanh khởi.

- Do duyên xuất ly tưởng, xuất ly tư duy sanh khởi.
- Do duyên xuất ly tư duy, xuất ly dục (chanda) sanh khởi.
- Do duyên xuất ly dục, xuất ly nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên xuất ly nhiệt tình, xuất ly tầm cầu sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu xuất ly tầm cầu, vị Đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

12) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **vô sân giới**, vô sân tưởng sanh khởi.
- Do duyên vô sân tưởng, vô sân tư duy sanh khởi
- Do duyên vô sân tư duy, vô sân dục sanh khởi.
- Do duyên vô sân dục, vô sân nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên vô sanh nhiệt tình, vô sân tầm cầu sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu vô sân tầm cầu, vị Đa văn Thánh đệ tử **thực hành chánh hạnh** theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

13) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **<u>bất hại giới</u>**, bất hại <u>tưởng</u> sanh khởi.
- Do duyên bất hại tưởng, bất hại <u>tư duy</u> sanh khởi.
- Do duyên bất hại tư duy, bất hại <u>dục</u> sanh khởi.
- Do duyên bất hại dục, bất hại <u>nhiệt tình</u> sanh khởi.
- Do duyên bất hại nhiệt tình, bất hại <u>tầm cầu</u> sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do duyên tầm cầu bất hại tầm cầu, <u>vị Đa văn Thánh đệ tử **thực hành chánh hạnh** theo ba xứ:</u> thân, ngữ, ý.

14) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném một bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Người ấy với tay và chân gấp dập tắt bó đuốc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ không gặp bất hạnh và tai họa.*

15) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với **tưởng bất chánh** khởi lên, <u>gấp từ bỏ</u>, nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; <u>vị ấy ngay trong hiện tại trú trong an lạc</u>, không có phiền lao, không có sầu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú.*

5 Do ngoại giới sai biệt nên Tưởng, Tư, Xúc, Thọ sai biệt sanh khởi - Kinh Giới – Tương II, 251

Giới – *Tương* II, 251

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **giới sai biệt**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng...

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới.

4) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Tưởng – *Tương* II, 251

1) Ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.

- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới** sai biệt?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi?*

5-9) Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi...

10) Này các Tỷ-kheo, do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

Và Không Phải Như Vậy – *Tương* II, 253

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.

- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

3) **Không phải** do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

4-9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

10) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... tầm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.*

11) Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc **giới**, sắc **tưởng** sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc **tư duy** sanh

khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc **dục** sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc **nhiệt tình** sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc **tầm cầu** sanh khởi.

Không phải do duyên sắc tầm cầu, sắc nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên sắc nhiệt tình, sắc dục sanh khởi. Không phải do duyên sắc dục, sắc tư duy sanh khởi. Không phải do duyên sắc tư duy, sắc tưởng sanh khởi. Không phải do duyên sắc tưởng, sắc giới sanh khởi.

12) Do duyên thanh giới...

13) Do duyên hương giới...

14) Do duyên vị giới...

15) Do duyên xúc giới...

16) Do duyên pháp **giới**, pháp **tưởng** sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp **tư duy** sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp **dục** sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp **nhiệt tình** sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp **tầm cầu** sanh khởi. **Không phải do duyên** pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi. Không phải do duyên pháp dục, pháp tư duy sanh khởi. Không phải do duyên pháp tư duy, pháp

tưởng sanh khởi. Không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

17) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi... Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Xúc – *Tương* II, 255

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **giới** sai biệt, **tưởng** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, **tư duy** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi.

- Do duyên thọ sai biệt, **dục** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, **nhiệt tình** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, **tầm cầu** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tầm cầu sai biệt, **sở đắc** sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Như thế nào, này các Tỳ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... sở đắc sai biệt sanh khởi?*

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **sắc giới**, sắc tưởng sanh khởi.
- Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi.
- Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi.
- Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi.
- Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi.

- Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

6) Do duyên **thanh** giới...

7) Do duyên **hương** giới...

8) Do duyên **vị** giới...

9) Do duyên **xúc** giới...

10)

- Do duyên **pháp** giới, pháp tưởng sanh khởi.
- Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi.
- Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi.
- Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh khởi.
- Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi... Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

Xúc – *Tương* II, 257

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo,*

- **Do duyên** giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi
- Do duyên tư duy sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.
- Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.
- Do duyên thọ sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

- **Không phải do duyên** sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên nhiệt tính sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi, do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không*

phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi... dục... thọ... xúc... Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi.
- Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi.
- Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi.
- Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi.
- Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

6) Do duyên thanh giới...

7) Do duyên hương giới...

8) Do duyên vị giới...

9) Do duyên xúc giới...

10) Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng... pháp tầm cầu sanh khởi. Do

duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi. Không phải do duyên pháp sở đắc, pháp tầm cầu sanh khởi.

- **Do duyên** pháp giới, pháp tưởng sanh khởi.
- Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi.
- Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi.
- Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh khởi.
- Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.
- **Không phải do duyên** pháp sở đắc, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp dục, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Không phải do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp xúc sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp xúc, pháp tư duy sanh khởi.

- Không phải do duyên pháp tư duy, <u>pháp tưởng</u> sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp tưởng, <u>pháp giới</u> sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt... tư duy... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

6 Do nội giới sai biệt nên Xúc, Thọ sai biệt sanh khởi - Kinh Giới – Tương II, 245

Giới – *Tương* II, 245

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông **giới sai biệt**. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau: *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

4)

- Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới;
- Nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới;
- Tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới;
- Thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới;
- Thân giới, xúc giới, thân thức giới;
- Ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Xúc – *Tương* II, 246

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***giới sai biệt****?*

4) Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới; này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là do duyên* ***giới*** *sai biệt,* ***xúc*** *sai biệt sanh khởi?*

6) Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi.

Do duyên nhĩ giới... do duyên tỷ giới... do duyên thiệt giới... do duyên thân giới... do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi.

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.

Và Không Phải Như Vậy – *Tương* II, 247

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi; **không** phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

4) Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới; này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

5) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên* ***giới*** *sai biệt,* ***xúc*** *sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?*

6) Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi... Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Thọ – *Tương* II, 248

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo, do duyên **<u>giới</u>** sai biệt, **<u>xúc</u>** sai biệt sanh khởi. Do duyên **<u>xúc</u>** sai biệt, **<u>thọ</u>** sai biệt sanh khởi.*

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là <u>giới sai biệt</u>?*

4) Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

5) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi?*

6) Này các Tỷ-kheo, do duyên <u>nhãn giới</u>, <u>nhãn xúc</u> sanh khởi. Do duyên nhãn xúc, **<u>thọ</u>**<u> do nhãn xúc sanh</u> sanh khởi...Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi. Do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi.

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên *giới* sai biệt, *xúc* sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, *thọ* sai biệt sanh khởi.

Thọ – *Tương* II, 249

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.*

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.*

5-9) Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn **giới**, nhãn xúc sanh khởi. Do duyên nhãn xúc, **thọ** do nhãn xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do nhãn xúc sanh, nhãn xúc sanh khởi. Không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi... (như trên)...

10) Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi. Do duyên ý xúc, **thọ** do ý xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do ý xúc sanh, ý xúc sanh khởi. Không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

11) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

7 Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn

1. Ba bất thiện **giới**: Dục giới, sân giới, hại giới.
2. Ba thiện giới: Ly dục giới, vô sân giới, vô hại giới.
3. Ba giới khác: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.
4. Ba giới khác: Sắc giới, vô sắc giới, diệt giới.
5. Ba giới khác: Liệt giới, trung giới, thắng giới.

8 Thiện xảo về giới - Kinh ĐA GIỚI – 115 Trung III, 217

KINH ĐA GIỚI
(Bahudhàtuka suttam)

– Bài kinh số 115 – Trung III, 217

Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Phàm có những **sợ hãi** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí (pandita).
– Phàm có những **thất vọng** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

– Phàm có những **<u>hoạn nạn</u>** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, tia lửa từ ngôi nhà bằng cỏ, thiêu cháy ngôi nhà có lầu gác được trét trong trét ngoài, được che chở khỏi gió, có chốt khóa gài kỹ, có cửa sổ đóng kỹ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những xợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những thất vọng gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Như vậy, này các Tỷ-kheo:

– Kẻ ngu đầy những sợ hãi, người hiền trí không có sợ hãi.

– Kẻ ngu đầy những thất vộng, người hiền trí không có thất vọng.

– Kẻ ngu đầy những hoạn nạn, người hiền trí

không có hoạn nạn.

Này các Tỷ-kheo:

– Không có sợ hãi cho người hiền trí,
– Không có thất vọng cho người hiền trí,
– Không có hoạn nạn cho người hiền trí.

➔ *Do vậy, này các Tỷ-kheo,* ***"Chúng tôi sẽ thành người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu"****, như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.*

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu?"

– Cho đến khi, này Ananda, Tỷ-kheo **thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về duyên khởi và thiện xảo về xứ phi xứ** đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu".

❖ ***Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"***

– Này Ananda, có mười tám giới này: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được mười tám giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mực độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda có sáu giới này: lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có sáu giới này: dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hại giới, bất hại giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có ba giới này: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được ba giới này, cho đến mức độ như vậy này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có hai giới này: hữu vi giới và vô vi giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được hai giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"

❖ ***Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ?"***

– Này Ananda, có sáu nội xứ, ngoại xứ này: mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ".

❖ ***Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi?"***

– Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; do duyên sanh lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy, này Ananda, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Nhưng do sự diệt trừ, sự ly tham hoàn toàn của chính vô minh này, các hành diệt; do các hành diệt,thức diệt;do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc

diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt, do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt, do sanh diệt, lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi".

❖ ***Nhưng cho đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ?"***

– Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một **người thành tựu (chánh) kiến** lại đi đến các hành (samkhara) và xem là thường còn. Sự kiện như vậy không xảy ra".*

– Và vị ấy biết rằng: *"Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một **người phàm phu** đi đến các hành và xem là thường còn. Sự hiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra,*

có hiện hữu: Khi một người phàm phu đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy có xảy ra".

– Vị ấy biết rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người nào thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rằng: *"Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phàm phu đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người cha... (như trên)... có thể giết sinh mạng A-la-hán. Sự kiện như vậy không xảy ra.*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra, có*

hiện hữu: Khi một người phàm phu có thể giết sinh mạng người cha... (như trên)... có thể giết sinh mạng A-la-hán. Sự kiện như vậy có xảy ra

- Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể <u>với ác tâm làm Như Lai chảy máu</u>. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*
- Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy có xảy ra".*
- Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể <u>phá hòa hợp Tăng</u>. Sự kiện như vậy không xảy ra".*
- Và vị ấy biết rõ rằng: "*Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu có thể phá hòa hợp với Tăng. Sự kiện như vậy có xảy ra".*
- Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể <u>đề cao một Đạo sư khác</u>. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*
- Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu đề cao một Đạo sư*

khác. Sự kiện như vậy có xảy ra".

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi cùng trong một thế giới (lokadhatu),* ***hai A-la-hán Chánh Đẳng Giác*** *có thể xuất hiện (một lần) không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới,* ***một A-la-hán Chánh Đẳng Giác*** *có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới hai vua Chuyển luân có thể xuất hiện (một lần), không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi trong một thế giới, một vị vua Chuyển luân có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành A-La-Hán Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra:*

Khi một nam nhân có thể thành một A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy có xảy ra."

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành Sakka (Đế -thích). Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một nam nhân có thể trở thành Sakka. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Ma vương. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra khi một nam nhân trở thành một Ma vương. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện này như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện này không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một khẩu ác hành... Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy*

có xảy ra".

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một khẩu thiện hành... một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện này có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành*

trì khẩu ác hành... hành trì ý ác hành, do nhân ý ác hành ấy, do duyên ý ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra, khi một người hành trì khẩu ác hành... ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra".*

– Và vị ấy biết rằng: *"Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

– Vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện*

hành ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

– Và vị ấy biết rõ rằng: *"Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".*

Cho đến mức độ như vậy, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn pháp môn này có tên gì?

– Do vậy, này Ananda, Ông hãy thọ trì pháp môn này là **Đa giới**, hãy thọ trì pháp môn nầy là **Bốn chuyển** (Dhammadasa) hãy thọ trì pháp môn này là **Pháp kinh** (Dhammdasa), hãy thọ trì pháp môn này là **Trống bất tử**, hãy thọ trì pháp môn này là **Vô thượng chiến thắng**.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda

hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

9 Tùy thuộc theo giới mà các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi chung với nhau - Kinh Liệt Ý Chí – Tương II, 268

Căn Nhà Bằng Gạch – *Tương* II, 267

1) Một thời Thế Tôn trú ở Natika, tại căn nhà bằng gạch.

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo "

- " Thưa vâng bạch Thế Tôn ". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **do duyên giới**, **tưởng** sanh khởi, **kiến** sanh khởi, **tầm** sanh khởi.

4) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saddha Kaccàyana bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, kiến này giữa những vị ***không*** *Chánh Đẳng Chánh Giác,* ***có*** *vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thế Tôn, kiến này do duyên gì được hiển lộ?*

5) - Lớn thay, này Kaccàyana, là giới này, tức là ***vô minh giới***.

6) Này Kaccàyana, do duyên **liệt** (hìna) **giới**, liệt tưởng, liệt kiến, liệt tầm, liệt tư (cetanà), liệt hy vọng (patthanà), liệt ước nguyện, liệt nhân, (puggalà), liệt ngữ sanh khởi. **Liệt là điều vị ấy nói**, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **liệt** là sự thọ sanh (uppatti) của vị ấy.

7) Này Kaccàyana, do duyên **trung giới**, trung tưởng, trung kiến, trung tầm, trung tư, trung hy vọng, trung ước nguyện, trung nhân, trung ngữ sanh khởi. **Trung là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết**, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **trung** là sự thọ sanh của vị ấy.

8) Này Kaccàyana, do duyên **thắng giới**, thắng tưởng, thắng kiến, thắng tầm, thắng tư, thắng hy vọng, thắng ước nguyện, thắng nhân, thắng ngữ sanh khởi. **Thắng là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết,** vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **thắng** là sự thọ sanh của vị ấy.

Liệt Ý Chí – *Tương* II, 268

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Nghiệp – *Tương* II, 269

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjakùta (Linh Thứu).

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Tôn giả Mahàmoggallàna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

4) Tôn giả Mahà Kassapa cùng với... không xa Thế Tôn bao nhiêu.

5) Tôn giả Anuruddha cùng với... không xa Thế Tôn bao nhiêu.

6) Tôn giả Punna Mantàniputta cùng với... bao nhiêu.

7) Tôn giả Upàli cùng với... bao nhiêu.

8) Tôn giả Ananda cùng với... bao nhiêu.

9) Tôn giả Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

10) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Sàriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại trí tuệ.

11) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Moggallàna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại thần thông.

12) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Kassapa cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy chủ trương hạnh đầu đà.

13) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc có thiên nhãn.

14) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Punna Mantàniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc thuyết pháp.

15) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Upàli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc trì luật.

16) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ananda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đa văn.

17) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là ác dục.

18) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

19) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

20) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

21) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Kinh Với Các Bài Kệ – *Tương* II, 273

1) Trú ở Sàvatthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. **Chúng sanh liệt ý chí** cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

6) *Ví như, này các Tỷ-kheo,* ***phẩn*** *cùng hòa hợp, cùng đi với phẩn;* ***nước tiểu*** *cùng hòa hợp, cùng đi với nước tiểu; nước miếng cùng hòa hợp, cùng đi với nước miếng; mủ cùng hòa hợp, cùng đi với mủ; máu cùng hòa hợp, cùng đi với máu.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp với nhau, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

7) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

8) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

9) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp với nhau, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

II

10) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. **Chúng sanh thiện ý chí** cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

11) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

12) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

13) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

14) *Ví như, này các Tỷ-kheo, sữa cùng hòa hợp, cùng đi với sữa; dầu cùng hòa hợp, cùng đi với dầu; thục tô cùng hòa hợp, cùng đi với thục tô; mật ong cùng hòa hợp, cùng đi với mật ong; mật mía cùng hòa hợp, cùng đi với mật mía.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

15) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

16) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

17) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

18) Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Liên lạc, dục tình sanh,
Liên lạc, không được đoạn,
Như leo tấm ván nhỏ,
Bị chìm giữa sóng lớn.
Cũng vậy, đến kẻ nhác,
Kẻ sống thiện cũng chìm.
Do vậy, hãy tránh xa
Kẻ nhác, không tinh tấn,
Hãy cọng trú bậc Hiền,
Bậc Thánh sống viễn ly,
Thường siêng năng tinh tấn,
Tinh cần tu Thiền tịnh.

Bất Tín – *Tương* II, 277

1) Trú ở Sàvatthi.

I

2) Này các Tỳ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3)

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn.
- Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ.
- Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe.
- Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác.
- Kẻ thất niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ thất niệm.
- Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4)

- Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín.
- Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn.

- Kẻ biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ.
- Kẻ nghe nhiều cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ tinh cần cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần.
- Kẻ trì niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niệm.
- Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trí tuệ.

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau.

6) Kẻ bất tín đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Kẻ bất tín sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất

niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với kẻ ác tuệ.

7) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

II

8) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ **tín** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín.
- Kẻ **biết thẹn** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn.
- Kẻ **biết sợ** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ.
- Kẻ **nghe nhiều** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ **tinh cần** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần.

- Kẻ **trì niệm** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niệm.
- Kẻ có **trí tuệ**, cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

9) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

10) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

11) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín... Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Năm Kinh Về Căn Bản Bất Tín – *Tương* II, 280

1) Sàvatthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn.

- Kẻ ác tuệ.. với kẻ ác tuệ.
- Kẻ **tín** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín.
- Kẻ **biết thẹn**... với kẻ biết thẹn.
- Kẻ **có trí tuệ** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

Kẻ bất tín... với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ ác tuệ.. với kẻ ác tuệ...Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

II

6) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Như vậy, cần phải hiểu rộng.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

7)... thời quá khứ...

8)... thời vị lai...

9)... thời hiện tại...

III

10) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

11)... thời quá khứ...

12)... thời vị lai...

13)... thời hiện tại...

IV

14) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ tinh cần. .. với kẻ tinh cần.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

15)... thời quá khứ...

16)... thời vị lai...

17)... thời hiện tại...

V

18) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.

- Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

19)... thời quá khứ...

20)... thời vị lai...

21)... thời hiện tại...

Bốn Kinh Về Căn Bản Không Biết Thẹn – *Tương* II, 283

1) Ở Sàtthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn,
- Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ.

- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

II

3) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

III

4) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

IV

5) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

6-8)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

Ba Kinh Về Căn Bản Không Biết Sợ - *Tương* II, 284

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ.
- Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

6) Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

7-9)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

10) Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

11-13)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

Hai Kinh Về Ít Nghe – *Tương* II, 286

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe.
- Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

6) Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ nghe nhiều. .. với kẻ nghe nhiều. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.... Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

7-9)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

Biếng Nhác – *Tương* II, 286

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác.
- Kẻ thất niệm. .. với kẻ thất niệm.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần.

- Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

II. Phẩm Nghiệp ĐạoThứ Ba

Không Tịch Tịnh – *Tương* II, 289

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3)

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.

- Kẻ không biết thẹn. .. với kẻ không biết thẹn.
- Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ.
- Kẻ không tịch tịnh... với kẻ không tịch tịnh.
- Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4)

- Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín.
- Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ tịch tịnh. .. với kẻ tịch tịnh.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Ác Giới – *Tương* II, 290

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn. .. với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ác giới... với kẻ ác giới. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4) Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ trì giới... với kẻ trì giới. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Năm Học Pháp – *Tương* II, 290

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho. .. với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục.. . với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ đắm say rượu men, rượu nấu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ đắm say rượu men, rượu nấu.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho... với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ không tà hạnh trong các dục... với kẻ không tà hạnh trong các dục. Kẻ không nói láo... với kẻ không nói láo. Kẻ không đắm say rượu men, rượu nấu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không đắm say rượu men, rượu nấu.

Bảy Nghiệp Đạo – *Tương* II, 291

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho... với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi...với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ... với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho. .. với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục... với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo... với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi... với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ... với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm.

Mười Nghiệp Đạo – *Tương* II, 292

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho. .. với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi... với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ... với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm... cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm. Kẻ có tham tâm... với kẻ có tham tâm. Kẻ có sân tâm... với kẻ có sân tâm. Kẻ có tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tà kiến.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho. .. với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục... với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo... với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi... với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ... với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm... với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. Kẻ từ bỏ tham tâm... với kẻ từ bỏ tham tâm. Kẻ từ bỏ sân tâm... với kẻ từ bỏ sân tâm. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến.

Tám Chi – *Tương* II, 293

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà định.

4) Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh định.

Mười Chi – *Tương* II, 293

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà

mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định... Kẻ tà trí... Kẻ tà giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà giải thoát.

4) Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định... Kẻ chánh trí... Kẻ chánh giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có chánh giải thoát.

10 Tương Ưng Giới – Tương II, 245

Tương Ưng Giới

(Chương III)

I.Phẩm Sai Biệt

Phần Một: Nội Giới Năm Kinh

Giới – *Tương* II, 245

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông **giới sai biệt**. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau: *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

4)

- Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới;
- Nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới;
- Tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới;
- Thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới;

- Thân giới, xúc giới, thân thức giới;
- Ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Xúc – *Tương* II, 246

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***giới sai biệt****?*

4) Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới; này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là do duyên* ***giới*** *sai biệt,* ***xúc*** *sai biệt sanh khởi?*

6) Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi.

Do duyên nhĩ giới... do duyên tỷ giới... do duyên thiệt giới... do duyên thân giới... do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi.

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.

Và Không Phải Như Vậy – *Tương* II, 247

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi; **không** phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

4) Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới; này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

5) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?*

6) Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi... Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

7) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Thọ – *Tương* II, 248

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi. Do duyên **xúc** sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi.*

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

4) Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

5) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi?*

6) Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi. Do duyên nhãn xúc, **thọ** do nhãn xúc sanh sanh khởi...Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi. Do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi.

7) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên *giới* sai biệt, *xúc* sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, *thọ* sai biệt sanh khởi.

Thọ – *Tương* II, 249

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt,* ***thọ*** *sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.*

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên* ***giới*** *sai biệt,* ***xúc*** *sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt,* ***thọ*** *sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.*

5-9) Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn **giới**, nhãn xúc sanh khởi. Do duyên nhãn xúc, **thọ** do nhãn xúc sanh

sanh khởi. Không phải do duyên thọ do nhãn xúc sanh, nhãn xúc sanh khởi. Không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi... (như trên)...

10) Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi. Do duyên ý xúc, **thọ** do ý xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do ý xúc sanh, ý xúc sanh khởi. Không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

11) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên **giới** sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Phần Hai: Ngoại Giới Năm Kinh

Giới – *Tương* II, 251

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **giới sai biệt**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng...

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới.

4) Này các Tỳ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Tưởng – *Tương* II, 251

1) Ở Sàvatthi.

2) Này các Tỳ-kheo,

- Do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là **giới** sai biệt?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi?*

5-9) Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi...

10) Này các Tỷ-kheo, do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

Và Không Phải Như Vậy – *Tương* II, 253

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

3) **Không phải** do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

4-9) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?*

Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

10) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... tầm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.*

11) Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc **giới**, sắc **tưởng** sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc **tư duy** sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc **dục** sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc **nhiệt tình** sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc **tầm cầu** sanh khởi.

Không phải do duyên sắc tầm cầu, sắc nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên sắc nhiệt tình, sắc dục sanh khởi. Không phải do duyên sắc dục, sắc tư duy sanh khởi. Không phải do duyên sắc tư duy, sắc tưởng sanh khởi. Không phải do duyên sắc tưởng, sắc giới sanh khởi.

12) Do duyên thanh giới...

13) Do duyên hương giới...

14) Do duyên vị giới...

15) Do duyên xúc giới...

16) Do duyên pháp **giới**, pháp **tưởng** sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp **tư duy** sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp **dục** sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp **nhiệt tình** sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp **tầm cầu** sanh khởi. **Không phải do duyên** pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi. Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi. Không phải do duyên pháp dục, pháp tư duy sanh khởi. Không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi. Không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

17) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi... Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Xúc – *Tương* II, 255

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **giới** sai biệt, **tưởng** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, **tư duy** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tư duy sai biệt, **xúc** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên xúc sai biệt, **thọ** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên thọ sai biệt, **dục** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, **nhiệt tình** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, **tầm cầu** sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tầm cầu sai biệt, **sở đắc** sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... sở đắc sai biệt sanh khởi?*

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **sắc giới**, sắc tưởng sanh khởi.
- Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi.
- Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi.
- Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi.
- Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

6) Do duyên **thanh** giới...

7) Do duyên **hương** giới...

8) Do duyên **vị** giới...

9) Do duyên **xúc** giới...

10)

- Do duyên **pháp giới**, pháp tưởng sanh khởi.
- Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi.
- Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi.

- Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh khởi.
- Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi... Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

Xúc – *Tương* II, 257

1) Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo,*

- **Do duyên** giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi
- Do duyên tư duy sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.

- Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.
- Do duyên thọ sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.
- Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.
- **Không phải do duyên** sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên nhiệt tính sai biệt, dục sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi.
- Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

3) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **giới sai biệt**?*

Sắc giới, **thanh** giới, **hương** giới, **vị** giới, **xúc** giới, **pháp** giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

4) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi, do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi... dục... thọ... xúc... Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?*

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi.
- Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi.
- Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi.
- Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi.
- Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

6) Do duyên thanh giới...

7) Do duyên hương giới...

8) Do duyên vị giới...

9) Do duyên xúc giới...

10) Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng... pháp tầm cầu sanh khởi. Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi. Không phải do duyên pháp sở đắc, pháp tầm cầu sanh khởi.

- **Do duyên** pháp giới, pháp tưởng sanh khởi.
- Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi.
- Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi.
- Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh khởi.
- Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Do duyên pháp tầm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.
- **Không phải do duyên** pháp sở đắc, pháp tầm cầu sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi.

- Không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp dục, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi.
- Không phải do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp xúc sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp xúc, pháp tư duy sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi.
- Không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt... tư duy... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Phẩm Thứ Hai

Bảy Pháp Này – *Tương* II, 261

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

Thế nào là bảy?

- Quang giới,
- Tịnh giới,
- Không vô biên xứ giới,
- Thức vô biên xứ giới,
- Vô sở hữu xứ giới,
- Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới,
- Diệt thọ tưởng giới.

Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

3) Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, và Diệt thọ tưởng giới. Bạch Thế Tôn,* ***những giới này do duyên cái gì được hiển lộ****?*

4) Này các Tỷ-kheo, Quang giới này do duyên u ám, giới này được hiển lộ.

5) Này các Tỷ-kheo, Tịnh giới này do duyên bất định, giới này được hiển lộ.

6) Này các Tỷ-kheo, Không vô biên xứ giới này, do duyên sắc, giới này được hiển lộ.

7) Này các Tỷ-kheo, Thức vô biên xứ giới này do duyên Không vô biên xứ giới này được hiển lộ.

8) Này các Tỷ-kheo, Vô sở hữu xứ giới này do duyên Thức vô biên xứ giới này được hiển lộ.

9) Này các Tỷ-kheo, Phi tưởng phi phi tưởng xứ này do duyên Vô sở hữu xứ giới này được hiển lộ.

10) Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này do duyên diệt này được hiển lộ.

11) - *Bạch Thế Tôn, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, với Diệt thọ tưởng giới; bạch Thế Tôn,* ***bảy giới này Thiền chứng (Samàpatti) như thế nào?***

12) -Này các Tỷ-kheo, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở

hữu xứ giới, những giới này lấy tưởng Thiền chứng (Sannàsamàpatti) được chứng đắc.

13) -Này các Tỷ-kheo, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới này lấy hành hữu dư Thiền chứng được chứng đắc.

14) -Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này lấy diệt đẳng nhập được chứng đắc (?).

Có Nhân – *Tương* II, 263

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, **có** nhân, dục tầm sanh khởi, **không** phải không nhân. **Có** nhân, sân tầm sanh khởi, không phải không nhân. **Có** nhân, hại tầm sanh khởi, không phải không nhân.

3) *Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, có nhân,* ***dục*** *tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân,* ***sân*** *tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân,* ***hại*** *tầm sanh khởi, không phải không nhân?*

4) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **dục giới**, dục tưởng sanh khởi.

- Do duyên dục tưởng, <u>dục tư duy</u> sanh khởi.
- Do duyên dục tư duy, <u>dục dục</u> sanh khởi.
- Do duyên dục dục, <u>dục nhiệt tình</u> sanh khởi.
- Do duyên dục nhiệt tình, <u>dục tầm cầu</u> sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu dục tầm cầu, <u>kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ</u>: thân, ngữ, ý.

5) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **<u>sân giới</u>**, sân <u>tưởng</u> sanh khởi.
- Do duyên sân tưởng, sân <u>tư duy</u> sanh khởi.
- Do duyên sân tư duy, sân <u>dục</u> sanh khởi.
- Do duyên sân dục, sân <u>nhiệt tình</u> sanh khởi.
- Do duyên sân nhiệt tình, sân <u>tầm cầu</u> sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu sân tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu <u>thực hành tà hạnh theo ba xứ</u>: thân, ngữ, ý.

6) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **<u>hại giới</u>**, hại <u>tưởng</u> sanh khởi
- Do duyên hại tưởng, hại <u>tư duy</u> sanh khởi.
- Do duyên hại tư duy, hại <u>dục</u> sanh khởi.
- Do duyên hại dục, hại <u>nhiệt tình</u> sanh khởi.

- Do duyên hại nhiệt tình, hại tầm cầu sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu hại tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

7) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Nếu người ấy không dập tắt gấp với tay và chân; như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ gặp bất hạnh và tai họa.*

8) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với* ***tưởng bất chánh*** *khởi lên, không gấp từ bỏ, nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong đau khổ, với phiền lao, với sầu não, với nhiệt não; và sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ác thú.*

9) Này các Tỷ-kheo, **có** nhân, xuất ly tầm sanh khởi, không phải không nhân. **Có** nhân, vô sân tầm sanh khởi, không phải không nhân. **Có** nhân, bất hại tầm sanh khởi, không phải không nhân.

10) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào có nhân,* ***xuất ly*** *tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân,* ***vô sân*** *tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân,* ***bất hại tầm*** *sanh khởi, không phải không nhân?*

11) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **xuất ly giới**, xuất ly tưởng sanh khởi.
- Do duyên xuất ly tưởng, xuất ly tư duy sanh khởi.
- Do duyên xuất ly tư duy, xuất ly dục (chanda) sanh khởi.
- Do duyên xuất ly dục, xuất ly nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên xuất ly nhiệt tình, xuất ly tầm cầu sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu xuất ly tầm cầu, vị Đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

12) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **vô sân giới**, vô sân tưởng sanh khởi.
- Do duyên vô sân tưởng, vô sân tư duy sanh khởi
- Do duyên vô sân tư duy, vô sân dục sanh khởi.
- Do duyên vô sân dục, vô sân nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên vô sanh nhiệt tình, vô sân tầm cầu sanh khởi.

- Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu vô sân tầm cầu, vị Đa văn Thánh đệ tử **thực hành chánh hạnh** theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

13) Này các Tỷ-kheo,

- Do duyên **bất hại giới**, bất hại tưởng sanh khởi.
- Do duyên bất hại tưởng, bất hại tư duy sanh khởi.
- Do duyên bất hại tư duy, bất hại dục sanh khởi.
- Do duyên bất hại dục, bất hại nhiệt tình sanh khởi.
- Do duyên bất hại nhiệt tình, bất hại tầm cầu sanh khởi.
- Này các Tỷ-kheo, do duyên tầm cầu bất hại tầm cầu, vị Đa văn Thánh đệ tử **thực hành chánh hạnh** theo ba xứ: thân, ngữ, ý.

14) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném một bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Người ấy với tay và chân gấp dập tắt bó đuốc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ không gặp bất hạnh và tai họa.*

15) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với* ***tưởng bất chánh*** *khởi lên, gấp từ bỏ, nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong*

hiện tại trú trong an lạc, không có phiền lao, không có sầu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú.

Căn Nhà Bằng Gạch – *Tương* II, 267

1) Một thời Thế Tôn trú ở Natika, tại căn nhà bằng gạch.

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo "

- " Thưa vâng bạch Thế Tôn ". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **do duyên giới**, **tưởng** sanh khởi, **kiến** sanh khởi, **tầm** sanh khởi.

4) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saddha Kaccàyana bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, kiến này giữa những vị ***không*** *Chánh Đẳng Chánh Giác,* ***có*** *vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thế Tôn, kiến này do duyên gì được hiển lộ?*

5) - Lớn thay, này Kaccàyana, là giới này, tức là ***vô minh giới***.

6) Này Kaccàyana, do duyên **liệt** (hìna) **giới**, liệt tưởng, liệt kiến, liệt tầm, liệt tư (cetanà), liệt hy vọng (patthanà), liệt ước nguyện, liệt nhân, (puggalà), liệt ngữ sanh khởi. **Liệt là điều vị ấy nói**, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **liệt** là sự thọ sanh (uppatti) của vị ấy.

7) Này Kaccàyana, do duyên **trung giới**, trung tưởng, trung kiến, trung tầm, trung tư, trung hy vọng, trung ước nguyện, trung nhân, trung ngữ sanh khởi. **Trung là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết**, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **trung** là sự thọ sanh của vị ấy.

8) Này Kaccàyana, do duyên **thắng giới**, thắng tưởng, thắng kiến, thắng tầm, thắng tư, thắng hy vọng, thắng ước nguyện, thắng nhân, thắng ngữ sanh khởi. **Thắng là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết,** vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **thắng** là sự thọ sanh của vị ấy.

Liệt Ý Chí – *Tương* II, 268

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Nghiệp – *Tương* II, 269

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjakùta (Linh Thứu).

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Tôn giả Mahàmoggallàna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

4) Tôn giả Mahà Kassapa cùng với... không xa Thế Tôn bao nhiêu.

5) Tôn giả Anuruddha cùng với... không xa Thế Tôn bao nhiêu.

6) Tôn giả Punna Mantàniputta cùng với... bao nhiêu.

7) Tôn giả Upàli cùng với... bao nhiêu.

8) Tôn giả Ananda cùng với... bao nhiêu.

9) Tôn giả Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

10) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Sàriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại trí tuệ.

11) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Moggallàna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đại thần thông.

12) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Kassapa cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy chủ trương hạnh đầu đà.

13) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc có thiên nhãn.

14) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Punna Mantàniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc thuyết pháp.

15) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Upàli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc trì luật.

16) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ananda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là bậc đa văn.

17) Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

-- Này các Tỷ-kheo, tất cả vị Tỷ-kheo ấy là ác dục.

18) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

19) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

20) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

21) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Kinh Với Các Bài Kệ – *Tương* II, 273

1) Trú ở Sàvatthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. **Chúng sanh liệt ý chí** cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

6) *Ví như, này các Tỷ-kheo, **phẩn** cùng hòa hợp, cùng đi với phẩn; **nước tiểu** cùng hòa hợp, cùng đi với nước tiểu; nước miếng cùng hòa hợp, cùng đi với nước miếng; mủ cùng hòa hợp, cùng đi với mủ; máu cùng hòa hợp, cùng đi với máu.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp với nhau, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

7) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

8) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

9) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp với nhau, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

II

10) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. **Chúng sanh thiện ý chí** cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

11) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

12) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

13) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

14) *Ví như, này các Tỷ-kheo, sữa cùng hòa hợp, cùng đi với sữa; dầu cùng hòa hợp, cùng đi với dầu; thục tô cùng hòa hợp, cùng đi với thục tô; mật ong cùng hòa hợp, cùng đi với mật ong; mật mía cùng hòa hợp, cùng đi với mật mía.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

15) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

16) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

17) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

18) Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Liên lạc, dục tình sanh,
Liên lạc, không được đoạn,
Như leo tấm ván nhỏ,
Bị chìm giữa sóng lớn.
Cũng vậy, đến kẻ nhác,
Kẻ sống thiện cũng chìm.
Do vậy, hãy tránh xa
Kẻ nhác, không tinh tấn,
Hãy cộng trú bậc Hiền,
Bậc Thánh sống viễn ly,
Thường siêng năng tinh tấn,
Tinh cần tu Thiền tịnh.

Bất Tín – *Tương* II, 277

1) Trú ở Sàvatthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3)

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn.
- Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ.
- Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe.
- Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác.
- Kẻ thất niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ thất niệm.
- Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4)

- Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín.
- Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn.

- Kẻ biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ.
- Kẻ nghe nhiều cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ tinh cần cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần.
- Kẻ trì niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niệm.
- Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trí tuệ.

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau.

6) Kẻ bất tín đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với kẻ ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Kẻ bất tín sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất

niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với kẻ ác tuệ.

7) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

II

8) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ **tín** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín.
- Kẻ **biết thẹn** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn.
- Kẻ **biết sợ** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ.
- Kẻ **nghe nhiều** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ **tinh cần** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần.

- Kẻ **trì niệm** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niệm.
- Kẻ có **trí tuệ**, cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

9) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

10) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

11) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín... Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Năm Kinh Về Căn Bản Bất Tín – *Tương* II, 280

1) Sàvatthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn.

- Kẻ ác tuệ.. với kẻ ác tuệ.
- Kẻ **tín** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín.
- Kẻ **biết thẹn**... với kẻ biết thẹn.
- Kẻ **có trí tuệ** cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

Kẻ bất tín... với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ ác tuệ.. với kẻ ác tuệ...Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

II

6) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Như vậy, cần phải hiểu rộng.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

7)... thời quá khứ...

8)... thời vị lai...

9)... thời hiện tại...

III

10) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

11)... thời quá khứ...

12)... thời vị lai...

13)... thời hiện tại...

IV

14) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.
- Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ tinh cần. .. với kẻ tinh cần.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

15)... thời quá khứ...

16)... thời vị lai...

17)... thời hiện tại...

V

18) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.

- Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ có tín... với kẻ có tín.
- Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

19)... thời quá khứ...

20)... thời vị lai...

21)... thời hiện tại...

Bốn Kinh Về Căn Bản Không Biết Thẹn – *Tương* II, 283

1) Ở Sàtthi.

I

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn,
- Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ.

- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

II

3) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

III

4) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

IV

5) Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

6-8)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

Ba Kinh Về Căn Bản Không Biết Sợ - *Tương* II, 284

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ.
- Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

6) Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

7-9)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

10) Kẻ không biết sợ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

11-13)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

Hai Kinh Về Ít Nghe – *Tương* II, 286

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe.
- Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều.
- Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

6) Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ nghe nhiều. .. với kẻ nghe nhiều. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.... Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

7-9)... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại.

Biếng Nhác – *Tương* II, 286

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

- Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác.
- Kẻ thất niệm. .. với kẻ thất niệm.
- Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.
- Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần.

- Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

3) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau...

4) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau...

5) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

III. Phẩm Nghiệp ĐạoThứ Ba

Không Tịch Tịnh – *Tương* II, 289

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3)

- Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín.

- Kẻ không biết thẹn. .. với kẻ không biết thẹn.
- Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ.
- Kẻ không tịch tịnh... với kẻ không tịch tịnh.
- Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4)

- Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín.
- Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn.
- Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ.
- Kẻ tịch tịnh. .. với kẻ tịch tịnh.
- Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Ác Giới – *Tương* II, 290

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn. .. với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ... với kẻ không biết sợ. Kẻ ác giới... với kẻ ác giới. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

4) Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn. .. với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ trì giới... với kẻ trì giới. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Năm Học Pháp – *Tương* II, 290

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho. .. với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục.. . với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ đắm say rượu men, rượu nấu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ đắm say rượu men, rượu nấu.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho... với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ không tà hạnh trong các dục... với kẻ không tà hạnh trong các dục. Kẻ không nói láo... với kẻ không nói láo. Kẻ không đắm say rượu men, rượu nấu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không đắm say rượu men, rượu nấu.

Bảy Nghiệp Đạo – *Tương* II, 291

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho... với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi...với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ... với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho. .. với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục... với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo... với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi... với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ... với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm.

Mười Nghiệp Đạo – *Tương* II, 292

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho. .. với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục... với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo... với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi... với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ... với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm... cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm. Kẻ có tham tâm... với kẻ có tham tâm. Kẻ có sân tâm... với kẻ có sân tâm. Kẻ có tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tà kiến.

4) Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho. .. với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục... với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo... với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi... với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ... với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm... với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. Kẻ từ bỏ tham tâm... với kẻ từ bỏ tham tâm. Kẻ từ bỏ sân tâm... với kẻ từ bỏ sân tâm. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến.

Tám Chi – *Tương* II, 293

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà định.

4) Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh định.

Mười Chi – *Tương* II, 293

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

3) Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà

mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định... Kẻ tà trí... Kẻ tà giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà giải thoát.

4) Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định... Kẻ chánh trí... Kẻ chánh giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có chánh giải thoát.

IV. Phẩm Thứ Tư

Bốn – *Tương* II, 295

1) Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.

2) Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này.

Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn giới này.

Trước – *Tương* II, 295

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh Đẳng Giác, khi Ta còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:

3) "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của **địa giới**? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thủy giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của hỏa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của phong giới?"

4) Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

5) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên địa giới, đó là vị ngọt của địa giới. Cái gì vô thường, khổ, biến hoại của địa giới, đó là nguy hiểm của địa giới. Sự nhiếp phục dục và tham (chandaràga), sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của địa giới".

6) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên thủy giới..".

7) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên hỏa giới..".

8) "Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên phong giới, đó là vị ngọt của phong giới. Cái gì vô thường, khổ, biến

hoại của phong giới, đó là nguy hiểm của phong giới. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của phong giới ".

9) Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào **đối với bốn giới** này Ta chưa như thực thắng tri (abbhannàsim) như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta chưa được chứng ngộ, chưa chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác, đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

10) Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào **đối với bốn giới** này, Ta như thật thắng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

11) Tri và kiến đã khởi lên ở nơi Ta: " Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay không còn tái sanh nữa ".

Ta Đã Đi – *Tương* II, 297

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của địa giới. Ta đã tìm được vị ngọt của địa giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

3) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của địa giới. Ta đã tìm được nguy hiểm của địa giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

4) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của địa giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của địa giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

5-7) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của thủy giới...

8-10) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của hỏa giới...

11) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của phong giới. Ta đã tìm được vị ngọt của phong giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

12) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của phong giới. Ta đã tìm sự được nguy hiểm của phong giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

13) Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của phong giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của phong giới. Với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

14) Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với **bốn giới** này, Ta chưa như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta chưa được chứng ngộ, chưa được chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người.

15) Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với **bốn giới** này, Ta đã như thật thắng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri vô thượng Chánh Đẳng Giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và đối với chúng Sa-môn, Bà-la- môn với chư Thiên và loài Người.

16) Tri và kiến đã khởi lên nơi Ta: " Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay không còn tái sanh nữa".

Nếu Không Có Cái Này – *Tương* II, 299

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, **nếu <u>không</u> có vị ngọt** của địa giới, thời chúng sanh có thể <u>không</u> tham đắm địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, <u>có</u> vị ngọt của địa giới, do vậy chúng sanh <u>tham</u> đắm địa giới.

3) Này các Tỷ-kheo, **nếu <u>không</u> có nguy hiểm** của địa giới, thời chúng sanh có thể <u>không</u> nhàm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, <u>có</u> nguy hiểm của địa giới, do vậy chúng sanh <u>nhàm</u> chán địa giới.

4) Này các Tỷ-kheo, **nếu <u>không</u> có sự xuất ly** địa giới thời, chúng sanh có thể <u>không</u> xuất ly địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, <u>có</u> sự xuất ly của địa giới, do vậy chúng sanh <u>xuất</u> ly địa giới.

5-7) Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thủy giới...

8-10) Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của hỏa giới...

11) Này các Tỷ-kheo, **nếu không có vị ngọt** của phong giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, <u>có</u> vị ngọt

của phong giới, do vậy chúng sanh tham đắm phong giới.

12) Này các Tỷ-kheo, **nếu không có nguy hiểm** của phong giới, thời chúng sanh có thể không nhàm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy hiểm của phong giới, do vậy chúng sanh nhàm chán phong giới.

13) Và này các Tỷ-kheo, **nếu không có sự xuất ly** của phong giới, thời chúng sanh có thể không xuất ly phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly phong giới, do vậy chúng sanh xuất ly phong giới.

14) Này các Tỷ-kheo, **cho đến khi nào các chúng sanh** đối với **bốn giới** này chưa như thật thắng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, các chúng sanh này không sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ, với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

15) Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào **các chúng sanh** đối với bốn giới này đã như thật thắng tri như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-

kheo, các chúng sanh này sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

Khổ – *Tương* II, 301

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham đắm địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ, do vậy chúng sanh tham đắm địa giới.

3) Này các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

4) Này các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

5) Này các Tỷ-kheo, nếu phong giới thuần khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc, thời chúng sanh có thể không có tham đắm phong giới. **Và vì rằng**, này các Tỷ-kheo, phong giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không

chìm đắm trong khổ; do vậy các chúng sanh tham đắm phong giới.

6) Này các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; do vậy các chúng sanh nhàm chán địa giới.

7) Này các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

8) Này các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

9) Này các Tỷ- kheo, nếu phong giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, phong giới là khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; do vậy các chúng sanh nhàm chán phong giới.

Hoan Hỷ – *Tương* II, 303

I

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ địa giới, người ấy hoan hỷ **khổ**. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ.

3) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thủy giới...

4) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ hỏa giới...

5) Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ phong giới, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ.

II

6) Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ địa giới, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khỏi khổ.

7) Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thủy giới...

8) Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ hỏa giới...

9) Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ phong giới, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khổ.

Sanh Khởi – *Tương* II, 304

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, **sự sanh khởi**, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của địa giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.

3) Này các Tỷ-kheo... của thủy giới...

4) Này các Tỷ-kheo... của hỏa giới...

5) Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của phong giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.

6) Này các Tỷ-kheo, **sự đoạn diệt**, tịnh chỉ, tiêu diệt của địa giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.

7) Này các Tỷ-kheo... của thủy giới...

8) Này các Tỷ-kheo. .. của hỏa giới...

9) Này các Tỷ-kheo, sự đoạn diệt, tịnh chỉ, tiêu diệt của phong giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.

SaMôn BàLaMôn – *Tương* II, 305

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

3) Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này **không** như thật quán tri (pajànati) vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

4) Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này **như** thật quán tri vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng

ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

SaMôn BàLaMôn – *Tương* II, 306

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

3) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, **không** như thật quán tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

4) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, **như thật quán tri** sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp

nhận là Sa-môn, hay giữa những Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

SaMôn BàLaMôn – *Tương* II, 307

1) Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào **không** quán tri **địa** giới, không quán tri địa giới tập khởi, không quán tri địa giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt...

3) Này các Tỷ-kheo. .. không quán tri **thủy** giới...

4) Này các Tỷ-kheo... không quán tri **hỏa** giới...

5) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri **phong** giới, không quán tri phong giới tập khởi, không quán tri phong giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những vị Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, giữa những vị Bà-

la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại không thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

6) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào **quán** tri **địa** giới, quán tri địa giới tập khởi, quán tri địa giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt...

7). .. quán tri **thủy** giới...

8). .. quán tri **hỏa** giới...

9) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri **phong** giới, quán tri phong giới tập khởi, quán tri phong giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa các vị Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn, giữa các vị Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

11 giới tánh của Lý Duyên khởi - Kinh Duyên – Tương II, 51

Duyên – *Tương* II, 51

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông **lý duyên khởi và các pháp duyên sanh**. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

3) Và này các Tỷ-kheo, *thế nào là Lý Duyên Khởi?*

Do duyên sanh, này các Tỷ-kheo, già, chết khởi lên.

*Dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là **giới tánh** ấy, **pháp trú tánh** ấy, **pháp quyết định tánh** ấy, **y duyên tánh** ấy.* Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt **định lý** ấy. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt, Như Lai tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển, khai thị, phân biệt, minh hiển, minh thị.

4) Do duyên sanh, này các Tỷ-kheo, nên có già, chết.

Do duyên hữu, này các Tỷ-kheo, nên có sanh.

Do duyên thủ, này các Tỷ-kheo, nên có hữu.

Do duyên ái, này các Tỷ-kheo, nên có thủ.

Do duyên thọ, này các Tỷ-kheo, nên có ái.

Do duyên xúc, này các Tỷ-kheo, nên có thọ.

Do duyên sáu xứ, này các Tỷ-kheo, nên có xúc.

Do duyên danh sắc, này các Tỷ-kheo, nên có sáu xứ.

Do duyên thức, này các Tỷ-kheo, nên có danh sắc.

Do duyên các hành, này các Tỷ-kheo, nên có thức.

Do duyên vô minh, này các Tỷ-kheo, nên có hành.

Dầu cho Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy, pháp quyết định tánh ấy, y duyên tánh ấy. Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt tánh ấy. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng đạt, Như Lai tuyên bố, tuyên thuyết, tường thuyết, khai hiển khai thị, phân biệt, minh hiển, minh thị.

5) **Do duyên vô minh,** này các Tỷ-kheo**, có các hành**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là **như tánh**, **bất hư vọng tánh**, **bất dị như tánh**, **y duyên tánh** ấy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lý duyên khởi.

6) Và này các Tỷ-kheo, *thế nào là **duyên sanh pháp**?*

Già, chết, này các Tỷ-kheo, là **vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.**

7) Sanh, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.

8) Hữu, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh.

9) - 16) Thủ, này các Tỷ-kheo... ái, này các Tỷ-kheo... Thọ, này các Tỷ-kheo... Xúc, này các Tỷ-kheo... Sáu xứ, này các Tỷ-kheo... Danh sắc, này các Tỷ-kheo... Thức, này các Tỷ-kheo... Các hành, này các Tỷ-kheo...

17) Vô minh, này các Tỷ-kheo, **là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly**

tham tánh, đoạn diệt tánh. **Những pháp này**, này các Tỷ-kheo, được gọi là **duyên sanh pháp**.

18) Do vì, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử khéo **thấy như chơn với chánh trí tuệ** **lý duyên khởi** này và **các pháp duyên sanh** này, nên chắc chắn vị ấy không chạy theo quá khứ (với những câu hỏi): "Ta có mặt trong quá khứ? Ta không có mặt không quá khứ? Ta là gì trong quá khứ? Ta có mặt như thế nào trong quá khứ? Hay trước ta đã là gì, và nay trong quá khứ ta là gì?"

19) Hay không chạy theo tương lai (với những câu hỏi): "Ta có mặt trong tương lai? Ta không có mặt trong tương lai? Ta sẽ làm gì trong tương lai? Ta có mặt như thế nào trong tương lai? Hay trước ta là gì, và nay trong tương lai ta sẽ là gì?"

20) Hay nay các vị ấy sẽ khởi lên những nghi ngờ về tự mình trong hiện tại như sau: "Ta hiện có mặt? Ta hiện không có mặt? Ta hiện là gì? Ta hiện có mặt như thế nào?" Sự kiện như vậy không xảy ra.

21) Vì sao? Vì rằng vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, **đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ** **định lý duyên khởi** này với **các pháp duyên sanh** này.